HIỆP ĐỊNH
TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ
GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ NHẬT BẢN

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản (sau đây gọi là "các Bên"),

Với mong muốn củng cố quan hệ hợp tác hiệu quả hơn nữa giữa hai nước trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự,

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1
Đối tượng, mục đích và phạm vi tương trợ

1. Theo yêu cầu của Bên kia, mỗi Bên dành cho nhau sự tương trợ tư pháp (sau đây gọi là "tương trợ") liên quan đến điều tra, truy tố và các thủ tục tố tụng hình sự khác phù hợp với các quy định của Hiệp định này.

2. Phạm vi tương trợ bao gồm:

(1) lấy lời khai hoặc tường trình;

(2) thu thập đồ vật, bao gồm cả thông qua việc thực hiện khám xét và thu giữ;

(3) kiểm tra người, đồ vật hoặc địa điểm;

(4) xác định hoặc nhận dạng người, đồ vật hoặc địa điểm;

(5) cung cấp đồ vật thuộc quản lý của các cơ quan nhà nước;

(6) gửi thư mời cho người cần có mặt tại Bên yêu cầu;

(7) chuyển giao tạm thời người đang bị giam giữ để lấy lời khai hoặc các mục đích khác;

(8) tống đạt tài liệu liên quan đến các thủ tục tố tụng hình sự;

(9) hỗ trợ các thủ tục tố tụng liên quan đến việc tịch thu và phong tỏa tài sản do phạm tội mà có hoặc công cụ, phương tiện phạm tội; và

(10) các hình thức tương trợ khác mà pháp luật của Bên được yêu cầu cho phép và theo thỏa thuận giữa Cơ quan trung ương của các Bên.

Thuật ngữ "đồ vật" được sử dụng trong Hiệp định này được hiểu là tài liệu, hồ sơ và vật chứng.

3. Hiệp định này chỉ nhằm mục đích tương trợ giữa các Bên. Các điều khoản của Hiệp định này không tạo ra quyền mới cũng như không ảnh hưởng đến quyền có sẵn của một cá nhân để cản trở việc thực hiện một yêu cầu hoặc ngăn chặn hoặc loại bỏ bất kì chứng cứ nào.

Điều 2
Cơ quan trung ương

1. Mỗi Bên chỉ định Cơ quan trung ương để thực hiện các chức năng được quy định tại Hiệp định này. Đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Cơ quan trung ương là Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Đối với Nhật Bản, Cơ quan trung ương là Bộ trưởng Bộ Tư pháp hoặc Ủy ban Công an quốc gia hoặc những người do họ chỉ định.

2. Các yêu cầu tương trợ theo Hiệp định này sẽ được thực hiện bởi Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu đến Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu.

3. Các Cơ quan trung ương của các Bên liên hệ trực tiếp với nhau vì mục đích thi hành Hiệp định này.

Điều 3
Căn cứ từ chối tương trợ

1. Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu có thể từ chối tương trợ nếu Bên được yêu cầu cho rằng:

(1) yêu cầu liên quan đến tội phạm có tính chất chính trị;

(2) việc thực hiện yêu cầu sẽ gây phương hại đến chủ quyền, an ninh hoặc các lợi ích thiết yếu khác;

(3) yêu cầu không phù hợp với các quy định của Hiệp định này;

(4) có lí do đầy đủ cho rằng yêu cầu tương trợ được đưa ra nhằm mục đích truy tố hoặc trừng phạt một người vì lí do chủng tộc, tôn giáo, quốc tịch, nguồn gốc dân tộc, quan điểm chính trị hoặc giới tính, hoặc vị trí của người đó có thể bị ảnh hưởng vì một trong các lí do này;

(5) hành vi là đối tượng của hoạt động điều tra, truy tố hoặc các thủ tục tố tụng khác tại Bên yêu cầu sẽ không cấu thành tội phạm hình sự theo pháp luật của Bên được yêu cầu;

(6) yêu cầu tương trợ liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự một người về một tội phạm mà người đó đã bị kết án hoặc được tuyên không có tội tại Bên được yêu cầu về tội phạm đó hoặc một tội phạm khác do cùng hành vi đó cấu thành;

(7) việc truy tố hoặc áp dụng hình phạt đối với tội phạm được yêu cầu tương trợ sẽ không được cho phép do hết thời hiệu theo pháp luật của Bên được yêu cầu; hoặc

(8) yêu cầu trái với hệ thống pháp luật của Bên được yêu cầu trong việc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp đó.

2. Trước khi từ chối thực hiện tương trợ theo khoản 1, Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu phải tham vấn Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu trong trường hợp Bên được yêu cầu cho rằng có thể thực hiện tương trợ theo các điều kiện nhất định. Nếu Bên yêu cầu chấp nhận các điều kiện thì Bên yêu cầu phải tuân thủ các điều kiện đó.

3. Nếu từ chối thực hiện tương trợ thì Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu phải thông báo ngay cho Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu lý do từ chối.

Điều 4

Nội dung và hình thức văn bản yêu cầu tương trợ

1. Cơ quan Trung ương của Bên yêu cầu lập yêu cầu bằng văn bản. Tuy nhiên, Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu có thể lập yêu cầu bằng các phương

tiện đáng tin cậy khác nếu Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu cho rằng phù hợp để tiếp nhận yêu cầu bằng phương tiện đó. Trong trường hợp như vậy, Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu sẽ cung cấp văn bản bổ sung xác nhận yêu cầu ngay sau đó. Yêu cầu được kèm theo bản dịch sang ngôn ngữ của Bên được yêu cầu hoặc, trong trường hợp khẩn cấp, kèm theo bản dịch sang tiếng Anh trừ khi có thỏa thuận khác giữa các Cơ quan trung ương của các Bên.

2. Yêu cầu bao gồm:

(1) tên của cơ quan tiến hành hoạt động điều tra, truy tố hoặc các thủ tục tố tụng khác;

(2) các tình tiết liên quan đến vụ án đang được điều tra, truy tố hoặc thủ tục tố tụng khác;

(3) bản chất và giai đoạn điều tra, truy tố hoặc các thủ tục tố tụng khác;

(4) văn bản pháp luật liên quan của Bên yêu cầu;

(5) nội dung tương trợ; và

(6) mục đích đề nghị tương trợ.

3. Trong phạm vi cần thiết và có thể, yêu cầu cũng sẽ bao gồm:

(1) thông tin về đặc điểm nhận dạng và địa điểm của người cần thu thập lời khai, tường trình hoặc đồ vật của người đó;

(2) mô tả cách thức thu thập hoặc ghi lời khai, tường trình hoặc đồ vật;

(3) danh sách câu hỏi đặt ra cho người cần thu thập lời khai hoặc tường trình;

(4) mô tả người hoặc địa điểm cần khám xét và đồ vật cần tìm kiếm;

(5) thông tin liên quan đến người, đồ vật hoặc địa điểm cần kiểm tra;

(6) mô tả cách thức thực hiện và ghi chép lại hoạt động kiểm tra người, đồ vật hoặc địa điểm, bao gồm cả hình thức ghi chép lại bằng văn bản được thực hiện liên quan đến hoạt động kiểm tra;

(7) thông tin liên quan đến người, đồ vật hoặc địa điểm cần xác định hoặc nhận dạng;

(8) thông tin về đặc điểm nhận dạng và địa điểm của người được thông báo gửi thư mời, và mối liên quan của người đó đối với các thủ tục tố tụng;

(9) thông tin về sinh hoạt phí và chi phí mà một người sẽ được hưởng khi có mặt trước cơ quan có thẩm quyền tại Bên yêu cầu;

(10) mô tả thủ tục cụ thể cần thực hiện khi giải quyết yêu cầu, ngoài những thủ tục đã được nêu tại mục (2) và (6);

(11) mô tả về tài sản do phạm tội mà có hoặc công cụ, phương tiện phạm tội, địa điểm của nó, và đặc điểm nhận dạng của chủ sở hữu của nó;

(12) lý do về sự cần thiết của việc bảo mật liên quan đến yêu cầu;

(13) thời gian mong muốn thực hiện yêu cầu; và

(14) các thông tin khác được lưu ý cho Bên được yêu cầu để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện yêu cầu.

4. Nếu Bên được yêu cầu cho rằng thông tin nêu trong yêu cầu tương trợ chưa đầy đủ để thực hiện yêu cầu theo quy định của Hiệp định này thì Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu có thể đề nghị bổ sung thông tin.

Điều 5

Thực hiện yêu cầu

1. Bên được yêu cầu sẽ thực hiện ngay yêu cầu phù hợp với các quy định của Hiệp định này. Các cơ quan có thẩm quyền của Bên được yêu cầu sẽ thực hiện mọi biện pháp có thể theo thẩm quyền để đảm bảo việc thực hiện yêu cầu.

2. Yêu cầu sẽ được thực hiện phù hợp với các quy định của Hiệp định này và pháp luật của Bên được yêu cầu. Cách thức hoặc thủ tục cụ thể nêu trong yêu cầu được đề cập tại khoản 3(2), 3(6) hoặc 3(10) của Điều 4 sẽ được thực hiện trong phạm vi pháp luật Bên được yêu cầu không cấm và khi thấy phù hợp.

3. Nếu việc thực hiện yêu cầu được cho là cản trở quá trình điều tra, truy tố hoặc các thủ tục tố tụng khác đang được tiến hành tại Bên được yêu cầu, thì Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu có thể hoãn việc thực hiện yêu cầu. Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu phải tham vấn Cơ quan trung ương của

Bên yêu cầu trong trường hợp Bên được yêu cầu cho rằng yêu cầu có thể được thực hiện theo các điều kiện nhất định. Nếu Bên yêu cầu chấp nhận các điều kiện thì Bên yêu cầu phải tuân thủ các điều kiện đó. Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu phải thông báo cho Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu lý do hoãn thực hiện yêu cầu.

4. Bên được yêu cầu phải nỗ lực bảo mật về việc yêu cầu đã được lập, nội dung của yêu cầu, kết quả thực hiện yêu cầu và các thông tin khác liên quan đến việc thực hiện yêu cầu nếu Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu đề nghị việc bảo mật đó. Nếu yêu cầu chỉ có thể được thực hiện khi tiết lộ các thông tin đó, Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu sẽ thông báo cho Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu để quyết định thực hiện hay không thực hiện yêu cầu.

5. Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu phải có phản hồi đối với các đề nghị hợp lý của Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu về tiến độ thực hiện yêu cầu.

6. Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu phải thông báo ngay cho Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu kết quả thực hiện yêu cầu, và cung cấp lời khai, tường trình hoặc đồ vật đã được thu thập cho Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu. Nếu không thể thực hiện toàn bộ hoặc một phần yêu cầu tương trợ, Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu phải thông báo lý do cho Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu.

Điều 6
Chi phí

1. Bên được yêu cầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc thực hiện yêu cầu trừ khi Cơ quan trung ương của các Bên có thỏa thuận khác.

2. Mặc dù đã quy định tại khoản 1, Bên yêu cầu phải chịu chi phí của người làm chứng là người giám định, chi phí phiên dịch, biên dịch và sao chép, sinh hoạt phí và chi phí liên quan đến việc đi lại của những người theo Điều 14 và 15 và các chi phí bất thường.

3. Nếu chắc chắn cần có chi phí bất thường để thực hiện yêu cầu, Cơ quan trung ương của các Bên sẽ tham vấn để quyết định các điều kiện thực hiện yêu cầu.

Điều 7

Giới hạn sử dụng và bảo mật

1. Bên yêu cầu sẽ không sử dụng lời khai, tường trình hoặc đồ vật được cung cấp theo Hiệp định này ngoài mục đích điều tra, truy tố hoặc các thủ tục tố tụng khác đã được nêu trong yêu cầu mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu.

2. Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu có thể đề nghị lời khai, tường trình hoặc đồ vật được cung cấp theo Hiệp định này phải được bảo mật hoặc chỉ được sử dụng theo các điều kiện cụ thể. Nếu Bên yêu cầu đồng ý với việc bảo mật hoặc chấp nhận những điều kiện đó thì Bên yêu cầu phải thực hiện.

3. Bên yêu cầu phải nỗ lực bảo vệ lời khai, tường trình hoặc đồ vật được cung cấp theo Hiệp định này không bị tiếp cận, sử dụng trái phép và bị sửa đổi, mất mát hoặc bị lạm dụng.

Điều 8

Trả lại đồ vật

1. Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu có thể đề nghị Bên yêu cầu vận chuyển và bảo quản đồ vật được cung cấp theo Hiệp định này phù hợp với các điều kiện theo yêu cầu của Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu, bao gồm cả các điều kiện được cho là cần thiết để bảo vệ quyền lợi của bên thứ ba đối với các đồ vật được chuyển giao.

2. Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu có thể đề nghị Bên yêu cầu trả lại các đồ vật đã được cung cấp theo Hiệp định này phù hợp với các điều kiện đã nêu cụ thể của Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu, sau khi những đồ vật đó đã được sử dụng vào mục đích nêu trong yêu cầu.

3. Bên yêu cầu phải thực hiện đề nghị được đưa ra theo khoản 1 hoặc khoản 2. Khi đề nghị đó được đưa ra, Bên yêu cầu sẽ không được kiểm tra các đồ vật đó mà không có sự đồng ý trước của Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu nếu việc kiểm tra đó gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại đến các đồ vật đó.

Điều 9

Lấy lời khai hoặc tường trình

1. Bên được yêu cầu tiến hành lấy lời khai hoặc tường trình. Bên được yêu cầu sẽ sử dụng các biện pháp cưỡng chế để thực hiện, nếu các biện pháp này là cần thiết và yêu cầu đó có thông tin lập luận cho các biện pháp này theo pháp luật của Bên được yêu cầu.

2. Trong phạm vi không trái với quy định pháp luật nước mình, Bên được yêu cầu sẽ nỗ lực tạo điều kiện để những người được nêu trong yêu cầu có mặt khi lấy lời khai hoặc tường trình trong quá trình thực hiện yêu cầu, và cho phép những người đó đưa ra câu hỏi đối với người đang cần lấy lời khai hoặc tường trình.

3. (1) Nếu người cần được lấy lời khai hoặc tường trình theo Điều này tuyên bố rằng pháp luật của Bên yêu cầu có quy định về sự miễn trừ, việc không đủ năng lực hoặc đặc quyền, thì vẫn được tiến hành lấy lời khai hoặc tường trình.

(2) Trong trường hợp lấy lời khai hoặc tường trình được thực hiện theo mục (1) thì lời khai hoặc tường trình đó phải được cung cấp kèm theo tuyên bố được đề cập tại mục đó cho Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu để các cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu xử lý.

Điều 10

Thu thập đồ vật

1. Bên được yêu cầu tiến hành thu thập đồ vật. Bên được yêu cầu sẽ sử dụng các biện pháp cưỡng chế, bao gồm khám xét và thu giữ để thực hiện, nếu

các biện pháp này là cần thiết và yêu cầu đó có thông tin lập luận cho các biện pháp này theo pháp luật của Bên được yêu cầu.

2. Bên được yêu cầu sẽ nỗ lực tạo điều kiện để những người được nêu trong yêu cầu có mặt khi thu thập đồ vật trong quá trình thực hiện yêu cầu.

3. (1) Nếu người mà có đồ vật cần được thu thập theo Điều này tuyên bố rằng pháp luật của Bên yêu cầu có quy định về sự miễn trừ hoặc đặc quyền, thì vẫn được tiến hành thu thập đồ vật.

(2) Trong trường hợp các đồ vật được thu thập theo mục (1) thì các đồ vật đó phải được cung cấp kèm theo tuyên bố được đề cập tại mục đó cho Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu để các cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu xử lý.

Điều 11

Kiểm tra người, đồ vật hoặc địa điểm

1. Bên được yêu cầu tiến hành kiểm tra người, đồ vật hoặc địa điểm. Bên được yêu cầu sẽ sử dụng các biện pháp cưỡng chế để thực hiện, nếu các biện pháp này là cần thiết và yêu cầu đó có thông tin lập luận cho các biện pháp này theo pháp luật của Bên được yêu cầu.

2. Bên được yêu cầu sẽ nỗ lực tạo điều kiện để những người được nêu trong yêu cầu có mặt khi tiến hành kiểm tra người, đồ vật hoặc địa điểm trong quá trình thực hiện yêu cầu.

Điều 12

Xác định hoặc nhận dạng người, đồ vật hoặc địa điểm

Bên được yêu cầu sẽ nỗ lực để xác định hoặc nhận dạng người, đồ vật hoặc địa điểm.

Điều 13

Cung cấp đồ vật thuộc quản lý của các cơ quan nhà nước

1. Bên được yêu cầu sẽ cung cấp cho Bên yêu cầu các đồ vật thuộc quản lý của các cơ quan nhà nước của mình và sẵn sàng công khai.

2. Bên được yêu cầu có thể cung cấp cho Bên yêu cầu các đồ vật thuộc quản lý của các cơ quan nhà nước của mình và không công khai, trong cùng phạm vi và điều kiện như các đồ vật cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền của mình.

Điều 14

Gửi thư mời

1. Bên được yêu cầu sẽ gửi thư mời cho một người đang ở Bên được yêu cầu để có mặt trước cơ quan có thẩm quyền tại Bên yêu cầu.

2. Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu sẽ thông báo cho Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu về các khoản sinh hoạt phí và chi phí mà Bên yêu cầu chi trả cho sự có mặt theo khoản 1. Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu sẽ thông báo ngay cho Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu về phản hồi của người cần có mặt.

Điều 15

Chuyển giao tạm thời người đang bị giam giữ

1. Người đang bị giam giữ của Bên được yêu cầu cần phải có mặt tại lãnh thổ của Bên yêu cầu để lấy lời khai hoặc các mục đích khác sẽ được chuyển giao tạm thời cho Bên yêu cầu để thực hiện các mục đích này, nếu người đó đồng ý và Cơ quan trung ương của các Bên đồng ý trong phạm vi pháp luật của Bên được yêu cầu cho phép.

2. (1) Bên yêu cầu sẽ giam giữ người được chuyển giao theo khoản 1 tại Bên yêu cầu, trừ khi Bên được yêu cầu cho phép thực hiện khác.

(2) Bên yêu cầu sẽ trả lại ngay người được chuyển giao cho Bên được yêu cầu như đã được thỏa thuận trước, hoặc theo thỏa thuận giữa các Cơ quan trung ương của các Bên.

(3) Người được chuyển giao sẽ được tính thời gian bị giam giữ tại Bên yêu cầu vào thời gian chấp hành hình phạt tù tại Bên được yêu cầu, bao gồm cả thời gian chuyển giao.

Điều 16
Bảo đảm an toàn

1. Người cần có mặt trước cơ quan có thẩm quyền tại Bên yêu cầu theo Điều 14 hoặc người được chuyển giao đến Bên yêu cầu theo Điều 15 sẽ vừa không bị giam giữ, truy cứu trách nhiệm hình sự, áp dụng hình phạt hoặc chịu bất kì sự hạn chế tự do cá nhân nào tại lãnh thổ của Bên yêu cầu đối với hành vi hoặc việc kết án xảy ra trước khi người này rời khỏi Bên được yêu cầu, vừa không bị buộc cung cấp lời khai, tường trình hoặc đồ vật liên quan đến các thủ tục tố tụng hoặc hỗ trợ các thủ tục tố tụng ngoài các thủ tục tố tụng đã được nêu rõ trong yêu cầu, trừ khi người đó đồng ý và Cơ quan trung ương của các Bên cũng đồng ý.

2. (1) Việc bảo đảm an toàn được thực hiện theo khoản 1 đối với người cần có mặt trước cơ quan có thẩm quyền tại Bên yêu cầu theo Điều 14 sẽ không được áp dụng khi:

(a) đã qua mười lăm ngày liên tục kể từ khi người đó được cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản rằng sự có mặt của người đó là không còn cần thiết nữa;

(b) người đó đã rời khỏi Bên yêu cầu nhưng tự quay trở lại Bên yêu cầu; hoặc

(c) người đó không có mặt trước cơ quan có thẩm quyền vào đúng ngày theo chương trình vì lí do nào đó ngoài các lí do bất khả kháng.

(2) Khi thông báo được đưa ra theo mục (1)(a), hoặc khi việc bảo đảm an toàn không được áp dụng theo mục (1)(b) hoặc (1)(c), thì Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu sẽ thông báo ngay cho Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu.

3. Việc bảo đảm an toàn được thực hiện theo khoản 1 đối với người được chuyển giao đến Bên yêu cầu theo Điều 15 sẽ chấm dứt khi người đó đã quay trở lại Bên được yêu cầu.

4. Người không có mặt trước cơ quan có thẩm quyền tại Bên yêu cầu theo Điều 14 hoặc người không đồng ý được chuyển giao cho Bên yêu cầu theo Điều 15, nếu có lí do, sẽ không phải chịu bất kì hình phạt hay biện pháp cưỡng chế nào tại Bên yêu cầu, cho dù đã có ý kiến trái ngược nêu tại yêu cầu hoặc các tài liệu liên quan đến sự có mặt của người đó.

Điều 17

Tài sản do phạm tội mà có hoặc công cụ, phương tiện phạm tội

Trong phạm vi pháp luật nước mình cho phép, Bên được yêu cầu sẽ tiến hành hỗ trợ trong các thủ tục tố tụng liên quan đến tịch thu tài sản do phạm tội mà có hoặc công cụ, phương tiện phạm tội. Sự tương trợ đó có thể bao gồm hoạt động phong tỏa tạm thời tài sản do phạm tội mà có hoặc công cụ, phương tiện phạm tội để thực hiện các thủ tục tố tụng tiếp theo.

Điều 18

Tống đạt tài liệu

1. Bên được yêu cầu sẽ thực hiện tống đạt tài liệu liên quan đến các thủ tục tố tụng hình sự đã được Bên yêu cầu chuyển đến để đề nghị tống đạt.

2. Trường hợp liên quan đến việc tống đạt tài liệu tư pháp yêu cầu sự có mặt của một người trước cơ quan có thẩm quyền tại Bên yêu cầu, thì Bên được yêu cầu phải nhận được yêu cầu không ít hơn chín mươi ngày trước ngày cần có mặt. Trong trường hợp khẩn cấp, Bên được yêu cầu có thể không áp dụng thời hạn này. Khi thông báo kết quả thực hiện yêu cầu theo quy định tại khoản 6

Điều 5, Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu phải thông báo bằng văn bản cho Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu về việc đã thực hiện tống đạt, cũng như thời gian, địa điểm và cách thức tống đạt.

3. Người không có mặt trước cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu theo giấy tờ đã được tống đạt tại Điều này, nếu có lí do, sẽ không phải chịu bất kỳ hình phạt hay biện pháp cưỡng chế nào tại Bên yêu cầu, cho dù đã có ý kiến trái ngược nêu tại tài liệu đó.

Điều 19
Cung cấp thông tin

1. Không cần có đề nghị trước đó, các Bên có thể cung cấp cho nhau thông tin liên quan đến các vấn đề hình sự trong phạm vi pháp luật của Bên cung cấp cho phép.

2. Bên cung cấp có thể đặt ra các điều kiện về việc sử dụng các thông tin đó cho Bên nhận. Trong trường hợp này, Bên cung cấp sẽ đưa ra thông báo trước cho Bên nhận về bản chất của thông tin được cung cấp và các điều kiện được đặt ra. Nếu đồng ý, Bên nhận sẽ có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện này.

Điều 20
Chứng thực

Tài liệu được một Bên chuyển giao theo Hiệp định này đã được chứng thực bằng chữ ký hoặc con dấu của cơ quan có thẩm quyền hoặc Cơ quan trung ương của Bên đó thì sẽ được Bên kia chấp nhận mà không cần chứng thực hoặc bất kì hình thức chứng nhận nào khác. Theo đề nghị của Bên yêu cầu, các tài liệu được chuyển giao theo Hiệp định này có thể được Bên được yêu cầu chứng nhận theo hình thức khác nêu tại yêu cầu trong phạm vi không trái với pháp luật của Bên được yêu cầu.

Điều 21

Mối quan hệ với các thỏa thuận khác

Hiệp định này không ngăn cản một Bên đề nghị tương trợ hoặc thực hiện tương trợ cho Bên kia phù hợp với các thỏa thuận quốc tế có thể áp dụng khác hoặc theo pháp luật có thể áp dụng của Bên mình.

Điều 22

Tham vấn

1. Cơ quan trung ương của các Bên sẽ tham vấn lẫn nhau để tạo điều kiện thuận lợi cho tiến độ thực hiện và tương trợ có hiệu quả theo Hiệp định này, và có thể quyết định các biện pháp cần thiết vì mục đích này.

2. Nếu cần thiết, các Bên sẽ tham vấn về bất kỳ vấn đề nào phát sinh từ việc giải thích hoặc thực hiện Hiệp định này.

Điều 23

Tiêu đề

Tiêu đề của các Điều trong Hiệp định này được đưa vào chỉ để thuận tiện cho việc tham khảo và sẽ không ảnh hưởng đến việc giải thích Hiệp định này.

Điều 24

Hiệu lực và chấm dứt hiệu lực của Hiệp định

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ ba mươi sau ngày các Bên trao đổi văn kiện ngoại giao thông báo cho nhau về việc hoàn tất các thủ tục nội bộ cần thiết để Hiệp định có hiệu lực.

2. Hiệp định này được áp dụng với các yêu cầu tương trợ được đưa ra vào ngày hoặc sau ngày Hiệp định có hiệu lực, cho dù hành vi liên quan đến yêu cầu đã được thực hiện trước ngày đó, vào ngày đó hoặc sau ngày đó.

3. Hiệp định này có thể được sửa đổi bằng văn bản thỏa thuận giữa các Bên.

4. Một Bên có thể chấm dứt Hiệp định này vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên kia thông qua kênh ngoại giao. Việc chấm dứt hiệu lực sẽ có hiệu lực vào ngày thứ một trăm tám mươi sau ngày nhận được thông báo.

5. Việc chấm dứt hiệu lực của Hiệp định không được sử dụng là lý do cho việc không thực hiện các yêu cầu tương trợ được lập trước ngày chấm dứt hiệu lực của Hiệp định.

ĐỂ LÀM BẰNG, những người ký tên dưới đây, được ủy quyền đầy đủ, đã ký Hiệp định này.

Làm tại Tokyo ngày 24 tháng 11 năm 2021 thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng Nhật và tiếng Anh, tất cả các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau trong việc giải thích Hiệp định này thì sẽ căn cứ vào bản tiếng Anh.

THAY MẶT **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**	THAY MẶT **NHẬT BẢN**
Lê Minh Trí **Viện trưởng** **Viện kiểm sát nhân dân tối cao**	**Yamada Takio** **Đại sứ đặc mệnh toàn quyền**

TREATY BETWEEN
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM AND JAPAN
ON MUTUAL LEGAL ASSISTANCE IN CRIMINAL MATTERS

The Socialist Republic of Viet Nam and Japan (hereinafter referred to as "the Parties"),

Desiring to establish more effective cooperation between both countries in the area of mutual legal assistance in criminal matters,

Have agreed as follows:

Article 1

Object, purpose and scope of assistance

1. Each Party shall, upon request by the other Party, provide mutual legal assistance (hereinafter referred to as "assistance") in connection with investigations, prosecutions and other proceedings in criminal matters in accordance with the provisions of this Treaty.

2. Assistance shall include the following:

(1) taking testimony or statements;

(2) obtaining items, including through the execution of search and seizure;

(3) examining persons, items or places;

(4) locating or identifying persons, items or places;

(5) providing items in the possession of the public authorities;

(6) presenting an invitation to a person whose appearance in the requesting Party is sought;

(7) temporary transfer of a person in custody for testimony or other purposes;

(8) serving documents related to criminal proceedings;

(9) assisting in proceedings related to confiscation and immobilization of proceeds or instrumentalities of criminal offenses; and

(10) any other assistance permitted under the laws of the requested Party and agreed upon between the Central Authorities of the Parties.

The term "items" as used in this Treaty means documents, records and articles of evidence.

3. This Treaty is intended solely for assistance between the Parties. The provisions of this Treaty neither create a new right nor affect a pre-existing right on the part of a private person to impede the execution of a request or to suppress or exclude any evidence.

Article 2
Central Authorities

1. Each Party shall designate the Central Authority that is to perform the functions provided for in this Treaty. For the Socialist Republic of Viet Nam, the Central Authority shall be the Supreme People's Procuracy. For Japan, the Central Authority shall be the Minister of Justice or the National Public Safety Commission or persons designated by them.

2. Requests for assistance under this Treaty shall be made by the Central Authority of the requesting Party to the Central Authority of the requested Party.

3. The Central Authorities of the Parties shall communicate directly with one another for the purposes of this Treaty.

Article 3
Grounds for refusal of assistance

1. The Central Authority of the requested Party may refuse assistance if the requested Party considers that:

(1) the request relates to an offense of a political nature;

(2) the execution of the request would impair its sovereignty, security or other essential interests;

(3) the request does not conform to the requirements of this Treaty;

(4) there are well-founded reasons to suppose that the request for assistance has

been made with a view to prosecuting or punishing a person by reason of race, religion, nationality, ethnic origin, political opinions or sex, or that such person's position may be prejudiced for any of those reasons;

(5) the conduct that is the subject of the investigation, prosecution or other proceedings in the requesting Party would not constitute a criminal offense under the laws of the requested Party;

(6) the request for assistance relates to the prosecution of a person for an offence where the person has been convicted or acquitted in the requested Party in respect of that offense or another offense constituted by the same conduct;

(7) the prosecution or the imposition of punishment for the offense for which assistance is requested would not be permitted by lapse of time under the laws of the requested Party; or

(8) it would be contrary to the legal system of the requested Party relating to mutual legal assistance for the request to be granted.

2. Before refusing assistance pursuant to paragraph 1, the Central Authority of the requested Party shall consult with the Central Authority of the requesting Party when the requested Party considers that assistance may be provided subject to certain conditions. If the requesting Party accepts such conditions, the requesting Party shall comply with them.

3. If assistance is refused, the Central Authority of the requested Party shall promptly inform the Central Authority of the requesting Party of the reasons for the refusal.

Article 4

Content and form of requests

1. The Central Authority of the requesting Party shall make a request in writing. However, the Central Authority of the requesting Party may make a request by any other reliable means of communication if the Central Authority of the requested Party considers it appropriate to receive a request by that means. In such cases, the Central Authority of the requesting Party shall provide supplementary confirmation of the request in writing

promptly thereafter. A request shall be accompanied by a translation into the language of the requested Party or, in case of urgency, into the English language unless otherwise agreed between the Central Authorities of the Parties.

2. A request shall include the following:

(1) the name of the authority conducting the investigation, prosecution or other proceedings;

(2) the facts pertaining to the subject matter of the investigation, prosecution or other proceedings;

(3) the nature and the stage of the investigation, prosecution or other proceedings;

(4) the text of the relevant laws of the requesting Party;

(5) a description of the assistance requested; and

(6) a description of the purpose of the assistance requested.

3. To the extent necessary and possible, a request shall also include the following:

(1) information on the identity and location of any person from whom testimony, statements or items are sought;

(2) a description of the manner in which testimony, statements or items are to be obtained or recorded;

(3) a list of questions to be asked of the person from whom testimony or statements are sought;

(4) a description of persons or places to be searched and of items to be sought;

(5) information regarding persons, items or places to be examined;

(6) a description of the manner in which an examination of persons, items or places is to be conducted and recorded, including the format of any written record to be made concerning the examination;

(7) information regarding persons, items or places to be located or identified;

(8) information on the identity and location of a person to be informed of an invitation, and the person's relationship to the proceedings;

(9) information on the allowances and expenses to which a person whose appearance is sought before the appropriate authority in the requesting Party will

be entitled;

(10) a description of any particular procedure to be followed in executing the request other than those referred to in sub-paragraphs (2) and (6);

(11) a description of the proceeds or instrumentalities of criminal offenses, the location thereof, and the identity of the owner thereof;

(12) an explanation of the necessity for confidentiality concerning the request;

(13) the time limit within which the request is desired to be executed; and

(14) any other information that should be brought to the attention of the requested Party to facilitate the execution of the request.

4. If the requested Party considers that the information contained in a request for assistance is not sufficient to meet the requirements under this Treaty to enable the execution of the request, the Central Authority of the requested Party may request that additional information be provided.

Article 5

Execution of requests

1. The requested Party shall promptly execute a request in accordance with the relevant provisions of this Treaty. The competent authorities of the requested Party shall take every possible measure in their power to ensure the execution of a request.

2. A request shall be executed in accordance with the provisions of this Treaty and the laws of the requested Party. The manner or particular procedure described in a request referred to in paragraph 3(2), 3(6) or 3(10) of Article 4 shall be followed to the extent it is not prohibited by the laws of the requested Party, and where it deems appropriate.

3. If the execution of a request is deemed to interfere with an ongoing investigation, prosecution or other proceedings in the requested Party, the Central Authority of the requested Party may postpone the execution. The Central Authority of the requested Party shall consult with the Central Authority of the requesting Party when the requested Party considers that the request can be executed subject to certain conditions. If the requesting Party accepts such conditions, the requesting Party shall comply with

them. The Central Authority of the requested Party shall inform the Central Authority of the requesting Party of the reasons for the postponement of the execution.

4. The requested Party shall make its best efforts to keep confidential the fact that a request has been made, the contents of a request, the outcome of the execution of a request and other relevant information concerning the execution of a request if such confidentiality is requested by the Central Authority of the requesting Party. If a request cannot be executed without disclosure of such information, the Central Authority of the requested Party shall so inform the Central Authority of the requesting Party, which shall then determine whether the request should nevertheless be executed.

5. The Central Authority of the requested Party shall respond to reasonable inquiries by the Central Authority of the requesting Party concerning the status of the execution of a request.

6. The Central Authority of the requested Party shall promptly inform the Central Authority of the requesting Party of the result of the execution of a request, and shall provide the Central Authority of the requesting Party with the testimony, statements or items obtained as a result. If a request cannot be executed in whole or in part, the Central Authority of the requested Party shall inform the Central Authority of the requesting Party of the reasons therefor.

Article 6
Costs

1. The requested Party shall bear all costs related to the execution of a request, unless otherwise agreed between the Central Authorities of the Parties.

2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, the requesting Party shall bear the fees of an expert witness, the costs of translation, interpretation and transcription, the allowances and expenses related to travel of persons pursuant to Articles 14 and 15 and the costs of an extraordinary nature.

3. If it becomes apparent that expenses of an extraordinary nature are required to execute a request, the Central Authorities of the Parties shall consult to determine the

conditions under which the request will be executed.

Article 7

Limitation on use and confidentiality

1. The requesting Party shall not use any testimony, statements or items provided under this Treaty other than in the investigation, prosecution or other proceedings described in a request without prior written consent of the Central Authority of the requested Party.

2. The Central Authority of the requested Party may request that testimony, statements or items provided under this Treaty be kept confidential or be used only subject to other conditions it may specify. If the requesting Party agrees to such confidentiality or accepts such conditions, it shall comply with them.

3. The requesting Party shall make its best efforts to protect testimony, statements or items provided under this Treaty against unlawful access, use and modification, loss or misuse.

Article 8

Returning items

1. The Central Authority of the requested Party may request that the requesting Party transport and maintain items provided under this Treaty in accordance with the conditions specified by the Central Authority of the requested Party, including the conditions deemed necessary to protect third-party interests in the items to be transferred.

2. The Central Authority of the requested Party may request that the requesting Party return any items provided under this Treaty in accordance with the conditions specified by the Central Authority of the requested Party, after such items have been used for the purpose described in a request.

3. The requesting Party shall comply with a request made pursuant to paragraph 1 or 2. When such a request has been made, the requesting Party shall not examine the items without the prior consent of the Central Authority of the requested Party if the examination

impairs or could impair the items.

Article 9

Taking testimony or statements

1. The requested Party shall take testimony or statements. The requested Party shall employ compulsory measures in order to do so, if such measures are necessary and the request includes information justifying those measures under the laws of the requested Party.

2. The requested Party shall, to the extent not contrary to its laws, make its best efforts to make possible the presence of such persons as specified in a request for taking testimony or statements during the execution of the request, and shall allow such persons to submit questions to be posed to the person from whom testimony or statements are sought.

3. (1) If a person, from whom testimony or statements are sought pursuant to this Article, asserts a claim of immunity, incapacity or privilege under the laws of the requesting Party, testimony or statements shall nevertheless be taken.

(2) In cases where testimony or statements are taken in accordance with sub-paragraph (1), they shall be provided, together with the claim referred to in that sub-paragraph, to the Central Authority of the requesting Party for resolution of the claim by the competent authorities of the requesting Party.

Article 10

Obtaining items

1. The requested Party shall obtain items. The requested Party shall employ compulsory measures, including search and seizure, in order to do so, if such measures are necessary and the request includes information justifying those measures under the laws of the requested Party.

2. The requested Party shall make its best efforts to make possible the presence of such persons as specified in a request for obtaining items during the execution of

the request.

3. (1) If a person, from whom items are sought pursuant to this Article, asserts a claim of immunity or privilege under the laws of the requesting Party, items shall nevertheless be obtained.

(2) In cases where items are obtained in accordance with sub-paragraph (1), they shall be provided, together with the claim referred to in that sub-paragraph, to the Central Authority of the requesting Party for resolution of the claim by the competent authorities of the requesting Party.

Article 11

Examining persons, items or places

1. The requested Party shall examine persons, items or places. The requested Party shall employ compulsory measures in order to do so, if such measures are necessary and the request includes information justifying those measures under the laws of the requested Party.

2. The requested Party shall make its best efforts to make possible the presence of such persons as specified in a request for examining persons, items or places during the execution of the request.

Article 12

Locating or identifying persons, items or places

The requested Party shall make its best efforts to locate or identify persons, items or places.

Article 13

Providing items in the possession of the public authorities

1. The requested Party shall provide the requesting Party with items that are in the possession of the public authorities of the requested Party and are available to the general public.

2. The requested Party may provide the requesting Party with items that are in the possession of the public authorities of the requested Party and are not available to the general public, to the same extent and under the same conditions as such items would be available to its competent authorities.

Article 14

Presenting an invitation to a person

1. The requested Party shall present an invitation to a person in the requested Party whose appearance is sought before the appropriate authority in the requesting Party.

2. The Central Authority of the requesting Party shall inform the Central Authority of the requested Party of the extent to which the allowances and expenses for the appearance under paragraph 1 will be paid by the requesting Party. The Central Authority of the requested Party shall promptly inform the Central Authority of the requesting Party of the response of the person whose appearance is sought.

Article 15

Temporary transfer of persons in custody

1. A person in custody of the requested Party whose presence in the territory of the requesting Party is necessary for testimony or other purposes shall be temporarily transferred for those purposes to the requesting Party, if the person consents and if the Central Authorities of the Parties agree, when permitted under the laws of the requested Party.

2. (1) The requesting Party shall keep the person transferred pursuant to paragraph 1 in the custody of the requesting Party, unless permitted by the requested Party to do otherwise.

(2) The requesting Party shall immediately return the person transferred to the requested Party, as agreed beforehand, or as otherwise agreed between the Central Authorities of the Parties.

(3) The person transferred shall receive credit for service of the sentence

imposed in the requested Party for the time served in the custody of the requesting Party, including the time of transfer.

Article 16

Safe conduct

1. A person whose appearance is sought before the appropriate authority in the requesting Party under Article 14 or a person transferred to the requesting Party under Article 15 shall not be subject to detention, prosecution, punishment or any restriction of personal liberty in its territory by reason of any conduct or conviction that precedes the departure from the requested Party of the person, nor shall the person be obliged to give testimony, statements or items in any proceeding or to assist in any proceeding other than the proceeding which is specified in the request, unless the person consents and the Central Authorities of the Parties agree otherwise.

2. (1) The safe conduct provided in accordance with paragraph 1 to the person whose appearance is sought before the appropriate authority in the requesting Party under Article 14 shall cease when:

(a) fifteen consecutive days have passed after the person was notified in writing by the appropriate authority that the appearance of the person is no longer necessary;

(b) the person, having left the requesting Party, voluntarily returns to it; or

(c) the person fails to appear before the appropriate authority on the scheduled appearance date due to the reasons other than those arising out of the circumstances beyond the control of the person.

(2) When the notification is made pursuant to sub-paragraph (1)(a), or when the safe conduct ceases pursuant to sub-paragraph (1)(b) or (1)(c), the Central Authority of the requesting Party shall so inform the Central Authority of the requested Party without delay.

3. The safe conduct provided in accordance with paragraph 1 to the person transferred to the requesting Party under Article 15 shall cease when the person returns to the requested Party.

4. A person who does not appear before the appropriate authority in the requesting Party under Article 14 or a person who does not consent to be transferred to the requesting Party under Article 15 shall not, by reason thereof, be liable to any penalty or be subjected to any compulsory measure in the requesting Party, notwithstanding any contrary statement in the request or a document related to the appearance of the person.

Article 17

Proceeds or instrumentalities of criminal offenses

The requested Party shall assist, to the extent permitted by its laws, in proceedings related to the confiscation of the proceeds or instrumentalities of criminal offenses. Such assistance may include action to temporarily immobilize the proceeds or instrumentalities pending further proceedings.

Article 18

Service of documents

1. The requested Party shall effect service of documents related to criminal proceedings that are transmitted to it for this purpose by the requesting Party.

2. Where a request concerns service of a judicial document requiring the appearance of a person before the appropriate authority in the requesting Party, the request shall be received by the requested Party not less than ninety days before the scheduled appearance date. In urgent cases, the requested Party may waive this requirement. In informing of the result of the execution of such a request in accordance with the provisions of paragraph 6 of Article 5, the Central Authority of the requested Party shall inform the Central Authority of the requesting Party in writing of the fact that the service was effected, as well as the date, place and manner of the service.

3. A person who does not comply with a judicial document requiring the appearance of the person before the appropriate authority in the requesting Party served pursuant to this Article shall not, by reason thereof, be liable to any penalty or be subjected to any compulsory measure in the requesting Party, notwithstanding any contrary

statement in that document.

Article 19

Providing information

1. The Parties may, without prior request, provide information relating to criminal matters to each other to the extent permitted by the laws of the providing Party.

2. The providing Party may impose conditions on the use of such information by the receiving Party. In such a case, the providing Party shall give prior notice to the receiving Party of the nature of the information to be provided and of the conditions to be imposed. The receiving Party shall be bound by those conditions if it agrees to them.

Article 20

Authentication

Documents transmitted by either Party pursuant to this Treaty which are attested by the signature or seal of a competent authority or the Central Authority of that Party shall be accepted by the other Party without authentication or any other form of certification. At the request of the requesting party, the documents transmitted pursuant to this Treaty may be certified by the requested Party in another form indicated in the request to the extent not contrary to the laws of the requested Party.

Article 21

Relation to other instruments

Nothing in this Treaty shall prevent either Party from requesting assistance from or providing assistance to the other Party in accordance with other applicable international agreements, or pursuant to its laws that may be applicable.

Article 22

Consultations

1. The Central Authorities of the Parties shall hold consultations for the purpose

of facilitating speedy and effective assistance under this Treaty, and may decide on such measures as may be necessary for this purpose.

2. The Parties shall, if necessary, hold consultations on any matter that may arise in the interpretation or implementation of this Treaty.

Article 23

Headings

The headings of the Articles of this Treaty are inserted for convenience of reference only and shall not affect the interpretation of this Treaty.

Article 24

Entry into force and termination

1. This Treaty shall enter into force on the thirtieth day after the date on which the Parties exchange diplomatic notes informing each other that their respective internal procedures necessary to give effect to this treaty have been completed.

2. This Treaty shall apply to any request for assistance presented on or after the date upon which this Treaty enters into force, whether the acts relevant to the request were committed before, on or after that date.

3. This treaty may be amended by written agreement between the Parties.

4. Either Party may terminate this Treaty at any time by notice in writing to the other Party through diplomatic channels. Termination shall take effect on the one hundred and eightieth day after the date of receipt of the notice.

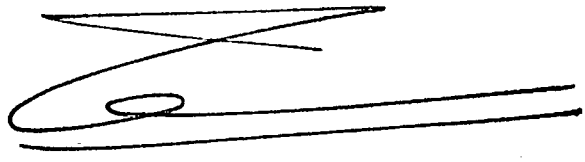
5. Termination of this Treaty shall not be used as a reason for not executing the requests for assistance made prior to the date of the termination of this Treaty.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized, have signed this Treaty.

DONE at Tokyo this 24th day of November, 2021, in duplicate, in the

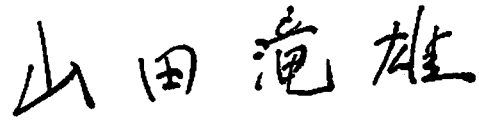
Vietnamese, Japanese and English languages, all texts being equally authentic. In case of any divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR
THE SOCIALIST REPUBLIC
OF VIET NAM



Le Minh Tri
Prosecutor General
The Supreme People's Procuracy

FOR
JAPAN



Yamada Takio
Ambassador Extraordinary
and Plenipotentiary

刑事に関する共助に関するベトナム社会主義共和国と日本国との間の条約

ベトナム社会主義共和国及び日本国（以下「両締約国」という。）は、

刑事に関する共助の分野における両国間の協力を一層実効あるものとすることを希望して、

次のとおり協定した。

第一条　趣旨、目的及び共助の範囲

1　各締約国は、他方の締約国の請求に基づき、捜査、訴追その他の刑事手続についてこの条約の規定に従って共助を実施する。

2　共助には、次の措置をとることを含む。この条約において「物件」とは、証拠となる書類、記録その他の物をいう。

(1)　証言又は供述の取得

(2)　物件の取得（捜索又は差押えによるものを含む。）

(3)　人、物件又は場所の見分

(4) 人、物件若しくは場所又はこれらの所在地の特定

(5) 公的機関の保有する物件の提供

(6) 請求国における出頭が求められている者に対する招請の伝達

(7) 拘禁されている者の身柄の一時的な移送であって証言の取得その他の目的のためのもの

(8) 刑事手続に関する文書の送達

(9) 犯罪の収益又は道具の没収及び保全並びにこれらに関連する手続についての共助

(10) 被請求国の法令により認められるその他の共助であって両締約国の中央当局間で合意されたもの

3 この条約は、両締約国間での共助のみを目的とする。この条約の規定は、請求された共助の実施を妨げ、又は証拠を排除することに関し、私人の権利を新たに創設するものではなく、また、私人の既存の権利に影響を及ぼすものではない。

第二条 中央当局

1 各締約国は、この条約に規定する任務を行う中央当局を指定する。ベトナム社会主義共和国については、中央当局は、最高人民検察院とする。日本国については、中央当局は、法務大臣若しくは国家公安委

員会又はこれらがそれぞれ指定する者とする。

2　この条約に基づく共助の請求は、請求国の中央当局から被請求国の中央当局に対して行われる。

3　両締約国の中央当局は、この条約の実施に当たって、相互に直接連絡する。

第三条　共助の拒否事由

1　被請求国の中央当局は、次のいずれかの場合には、共助を拒否することができる。

(1)　被請求国が、請求された共助が政治的性質を有する犯罪に関連すると認める場合

(2)　被請求国が、請求された共助の実施により自国の主権、安全その他の重要な利益が害されるおそれがあると認める場合

(3)　被請求国が、共助の請求がこの条約に定める要件に適合していないと認める場合

(4)　被請求国が、共助の請求が何人かを人種、宗教、国籍、民族的出身、政治的意見若しくは性を理由に訴追し若しくは刑罰を科する目的でなされていると、又はその者の地位がそれらの理由により害されるおそれがあるとする十分な理由があると認める場合

(5)　被請求国が、請求国における捜査、訴追その他の手続の対象となる行為が自国の法令によれば犯罪を

構成しないと認める場合

(6) 被請求国が、請求された共助が当該共助に係る犯罪又は同一の行為により構成される他の犯罪について被請求国において確定判決を受けたことのある者の訴追に関連すると認める場合

(7) 被請求国が、自国の法令によれば時効の完成によって請求された共助に係る犯罪について訴追し、又は刑罰を科することができないと認める場合

(8) 被請求国が、共助の請求を受け入れることが自国の共助に関する法制に反すると認める場合

2 被請求国の中央当局は、1の規定に基づき共助を拒否するに先立ち、自国が一定の条件を付して共助を実施することができると認める場合には、請求国の中央当局と協議する。請求国は、当該条件を受け入れる場合には、これに従う。

3 被請求国の中央当局は、共助を拒否する場合には、請求国の中央当局に拒否の理由を速やかに通報する。

第四条 請求の内容及び形式

1 請求国の中央当局は、共助の請求を書面によって行う。ただし、請求国の中央当局は、被請求国の中央

当局が書面以外の信頼し得る通信の方法を適当と認める場合には、当該方法により共助の請求を行うことができる。この場合には、請求国の中央当局は、共助の請求の追加的な確認の書面をその後速やかに提出する。共助の請求には、両締約国の中央当局間に別段の合意がある場合を除くほか、被請求国の言語による翻訳文（緊急の場合には、英語による翻訳文）を添付する。

2　共助の請求に当たっては、次の事項について通報する。

(1)　捜査、訴追その他の手続を行う当局の名称

(2)　捜査、訴追その他の手続の対象となる事実

(3)　捜査、訴追その他の手続の内容及び段階

(4)　請求国の関係法令の条文

(5)　請求する共助の内容についての説明

(6)　請求する共助の目的についての説明

3　共助の請求に当たっては、次の事項のうち必要と認めるものについて可能な範囲で通報する。

(1)　証言、供述又は物件の提出が求められている者の特定及び所在地に関する情報

(2) 証言、供述又は物件の取得又は記録の方法についての説明

(3) 証言又は供述の提出が求められている者に対する質問表

(4) 取得されるべき物件及びその身体が捜索されるべき人又は捜索されるべき場所についての説明

(5) 見分されるべき人、物件又は場所に関する情報

(6) 人、物件又は場所の見分の実施及び記録の方法（見分に関して作成されるべき文書による記録の様式を含む。）についての説明

(7) 特定されるべき人、物件若しくは場所又は特定されるべきこれらの所在地に関する情報

(8) 招請の伝達を受けるべき者の特定及び所在地並びにその者と手続との関係に関する情報

(9) 請求国の関係当局への出頭が求められている者に支払うことを認める手当及び経費に関する情報

(10) 請求する共助の実施の際に従うべき特定の方法についての説明（(2)及び(6)に規定する説明を除く。）

(11) 犯罪の収益又は道具、これらの所在地及びこれらの所有者の特定についての説明

(12) 請求する共助を秘密のものとして取り扱うべき必要性についての説明

(13) 請求する共助の実施を希望する期限

(14)　請求する共助の実施を容易にするために被請求国の注意を喚起すべきその他の情報

4　被請求国が、共助の請求に当たって通報された情報が共助の実施を可能とする上でこの条約に定める要件を満たすために十分でないと認める場合には、被請求国の中央当局は、追加的な情報を提供するよう要請することができる。

第五条　請求された共助の実施

1　被請求国は、請求された共助をこの条約の関連規定に従って速やかに実施する。被請求国の権限のある当局は、共助の実施を確保するためにその権限の範囲内で可能なあらゆる措置をとる。

2　被請求国は、請求された共助をこの条約の規定及び自国の法令に従って実施する。被請求国は、自国の法令に反しない限りにおいて、適当と認める場合には、前条3(2)、(6)又は(10)に規定する方法で共助の請求に示されたものに従う。

3　被請求国の中央当局は、請求された共助の実施が自国における進行中の捜査、訴追その他の手続を妨げると認める場合には、当該実施を保留することができる。被請求国の中央当局は、自国が一定の条件を付して共助を実施することができると認める場合には、請求国の中央当局と協議する。請求国は、当該条件

を受け入れる場合には、これに従う。被請求国の中央当局は、請求国の中央当局に当該実施の保留の理由を通報する。

4　被請求国は、請求国の中央当局が要請する場合には、共助の請求が行われた事実、請求された共助の内容、共助の実施の成果その他共助の実施に関する関連情報を秘密のものとして取り扱うよう最善の努力を払う。被請求国の中央当局は、これらの情報を開示することなしに請求された共助を実施することができない場合には、請求国の中央当局にその旨を通報するものとし、請求国の中央当局は、このような状況にもかかわらず当該共助が実施されるべきかどうかを決定する。

5　被請求国の中央当局は、請求された共助の実施の状況に関する請求国の中央当局による合理的な照会に回答する。

6　被請求国の中央当局は、請求国の中央当局に対し、請求された共助の実施の結果につき速やかに通報するものとし、また、その結果取得された証言又は供述を文書化し又は記録した物その他の物件を提供する。被請求国の中央当局は、請求された共助の全部又は一部を実施することができない場合には、その理由につき請求国の中央当局に通報する。

第六条　費用

1　被請求国は、両締約国の中央当局間に別段の合意がある場合を除くほか、請求された共助の実施に要する全ての費用を負担する。

2　1の規定にかかわらず、鑑定人に支払う手数料、翻訳、通訳及び記録に要する費用、第十四条及び第十五条の規定に基づく人の移動に要する手当及び経費並びに特別な費用については、請求国が負担する。

3　両締約国の中央当局は、請求された共助を実施するために特別な費用が必要であることが明らかとなる場合には、当該共助を実施するための条件について決定するために協議する。

第七条　使用制限及び秘密性

1　請求国は、被請求国の中央当局の書面による事前の同意なしに、共助の請求に示された捜査、訴追その他の手続を除くほか、この条約の規定に従って提供される証言又は供述を文書化し又は記録した物その他の物件を使用してはならない。

2　被請求国の中央当局は、請求国がこの条約の規定に従って提供される証言又は供述を文書化し又は記録した物その他の物件を秘密のものとして取り扱い、又は当該中央当局が定めるその他の条件に従ってのみ

使用することを要請することができる。請求国は、当該物件を秘密のものとして取り扱うことに同意し、又は当該条件を受け入れる場合には、これに従う。

3　請求国は、この条約の規定に従って提供される証言又は供述を文書化し又は記録した物その他の物件を不法なアクセス、使用及び改変、滅失又は濫用から保護するよう最善の努力を払う。

第八条　物件の返還

1　被請求国の中央当局は、請求国がこの条約の規定に従って提供される物件を当該中央当局が定める条件（当該物件に係る第三者の利益を保護するために必要と認めるものを含む。）に従って輸送し、及び保管することを要請することができる。

2　被請求国の中央当局は、この条約の規定に従って提供される物件が共助の請求に示された目的のために使用された後、請求国が当該中央当局が定める条件に従って当該物件を返還することを要請することができる。

3　請求国は、1又は2の規定に基づいて行われた要請に従う。請求国は、当該要請が行われた場合において、見分により物件を損傷し、又は損傷するおそれがあるときは、被請求国の中央当局の事前の同意なし

に当該物件を見分してはならない。

第九条　証言又は供述の取得

1　被請求国は、証言又は供述を取得する。被請求国は、そのための強制措置が必要であり、かつ、共助の請求が当該強制措置をとることを被請求国の法令において正当化する情報を含む場合には、当該強制措置をとる。

2　被請求国は、自国の法令に反しない限りにおいて、証言又は供述の取得に係る共助の請求に示された特定の者が当該共助の実施の間立ち会うことを可能とするよう最善の努力を払うものとし、また、当該者が証言又は供述の提出を求められている者に対して発せられるべき質問を提出することを認める。

3(1)　被請求国は、この条の規定に従って証言又は供述の提出を求められている者が請求国の法令に基づいて免除、不能又は特権を主張した場合であっても、証言又は供述を取得する。

(2)　被請求国は、証言又は供述を取得するに当たり(1)の主張がなされた場合には、請求国の権限のある当局による当該主張の処理のため、当該主張を付して当該証言又は供述を文書化し又は記録した物を請求国の中央当局に提供する。

第十条　物件の取得

1　被請求国は、物件を取得する。被請求国は、そのための強制措置（捜索又は差押えを含む。）が必要であり、かつ、共助の請求が当該強制措置をとることを被請求国の法令において正当化する情報を含む場合には、当該強制措置をとる。

2　被請求国は、物件の取得に係る共助の請求に示された特定の者が当該共助の実施の間立ち会うことを可能とするよう最善の努力を払う。

3(1)　被請求国は、この条の規定に従って物件の提出を求められている者が請求国の法令に基づいて免除又は特権を主張した場合であっても、物件を取得する。

(2)　被請求国は、物件を取得するに当たり(1)の主張がなされた場合には、請求国の権限のある当局による当該主張の処理のため、当該主張を付して当該物件を請求国の中央当局に提供する。

第十一条　人、物件又は場所の見分

1　被請求国は、人、物件又は場所の見分を行う。被請求国は、そのための強制措置が必要であり、かつ、共助の請求が当該強制措置をとることを被請求国の法令において正当化する情報を含む場合には、当該強

制措置をとる。

2　被請求国は、人、物件又は場所の見分に係る共助の請求に示された特定の者が当該共助の実施の間立ち会うことを可能とするよう最善の努力を払う。

第十二条　人、物件若しくは場所又はこれらの所在地の特定

被請求国は、自国に所在する人、物件若しくは場所を特定し、又はこれらの所在地を特定するよう最善の努力を払う。

第十三条　公的機関の保有する物件の提供

1　被請求国は、自国の公的機関が保有する物件であって公衆が入手可能なものを請求国に提供する。

2　被請求国は、自国の公的機関が保有する物件であって公衆が入手できないものについては、自国の権限のある当局が入手できる範囲及び条件と同等の範囲及び条件で、請求国に提供することができる。

第十四条　招請の伝達

1　被請求国は、自国に所在し、請求国の関係当局への出頭が求められている者に対し当該者が招請されていることを伝達する。

2　請求国の中央当局は、1に規定する出頭のために自国が支払う手当及び経費の限度につき被請求国の中央当局に通報する。被請求国の中央当局は、出頭が求められている者の回答につき請求国の中央当局に速やかに通報する。

第十五条　拘禁されている者の一時的な移送

1　証言の取得その他の目的のため、被請求国によって拘禁されている者の身柄が請求国の領域にあることが必要とされる場合には、被請求国は、当該目的のため、当該者の身柄を請求国へ一時的に移す。ただし、被請求国の法令において認められる場合であって、当該者が同意し、かつ、両締約国の中央当局が合意するときに限る。

2(1)　請求国は、被請求国が別段の取扱いについての承認を与える場合を除くほか、1の規定に従って身柄を移された者を拘禁する。

(2)　請求国は、両締約国の中央当局による事前の合意その他の合意に従い、1の規定に従って身柄を移された者を被請求国に直ちに送還する。

(3)　1の規定に従って身柄を移された者が請求国によって拘禁された期間（移送に要する期間を含む。）

は、被請求国における当該者の刑期に算入する。

第十六条　保護措置

1　第十四条の規定に従って請求国の関係当局に出頭が求められている者又は前条の規定に従って請求国に身柄を移された者は、被請求国を離れる前のいかなる行為又は有罪判決を理由としても、請求国の領域内において拘禁、訴追、処罰又は身体の自由についての制限の対象とならない。当該者は、共助の請求に示された特定の手続以外のいかなる手続においても証言、供述又は物件を提出することを強制されず、また、共助の請求に示された特定の手続以外のいかなる手続についても協力することを強制されない。ただし、当該者が別段の同意を与え、かつ、両締約国の中央当局間に別段の合意がある場合は、この限りでない。

2(1)　第十四条の規定に従って請求国の関係当局に出頭が求められている者に対し1の規定に従って与えられる保護措置は、次のいずれかの時に終了する。

(a)　当該者が自らの出頭が必要でなくなった旨を関係当局によって書面により通知された後連続する十五日が経過した時

(b) 当該者が請求国から離れた後、任意に請求国に戻った場合にあってはその時

(c) 当該者が出頭期日に関係当局に出頭しなかった場合（やむを得ない事情によるときを除く。）にあってはその時

(2) 請求国の中央当局は、(1)(a)の通知が行われた場合又は保護措置が(1)(b)若しくは(c)の規定に従って終了した場合には、被請求国の中央当局にその旨を遅滞なく通報する。

3 前条の規定に従って請求国に身柄を移された者に対し1の規定に従って与えられる保護措置は、当該者が被請求国に送還されたときに終了する。

4 第十四条の規定の下で請求国の関係当局に出頭しない者又は前条の規定の下で請求国への身柄の移送に同意しない者は、共助の請求又は当該者の出頭に関連する文書における記述のいかんを問わず、その出頭しないことを理由として、請求国においていかなる制裁も課されず、また、いかなる強制措置の対象ともならない。

第十七条 犯罪の収益又は道具

被請求国は、自国の法令が認める範囲内で、犯罪の収益又は道具の没収及びこれらに関連する手続につい

て共助を実施する。当該共助には、当該収益又は道具を保全する措置を含めることができる。

第十八条　文書の送達

1　被請求国は、送達のために請求国から送付される刑事手続に関する文書の送達を実施する。

2　共助の請求が請求国の関係当局への出頭を求める裁判上の文書の送達に係るものである場合には、当該共助の請求は、出頭期日の少なくとも九十日前までに被請求国によって受領されるものとする。被請求国は、緊急の場合には、この要件を免除することができる。被請求国の中央当局は、第五条6の規定に従ってこのような共助の実施の結果を通報するに当たり、請求国の中央当局に対し、送達が実施されたこと並びに送達が実施された日付、場所及び方法を書面により通報する。

3　この条の規定に従って送達された裁判上の文書であって請求国の関係当局への出頭を求めるものに従わない者は、当該文書における記述のいかんを問わず、その従わないことを理由として、請求国においていかなる制裁も課されず、また、いかなる強制措置の対象ともならない。

第十九条　情報の提供

1　両締約国は、事前の要請がない場合においても、自国の法令が認める範囲内で、刑事に関する情報を相

互に提供することができる。

2　情報を提供する締約国は、情報を受領する締約国による当該情報の使用について条件を付すことができる。この場合において、情報を提供する締約国は、情報を受領する締約国に対し、提供される情報の性格及び付される条件について事前に通報する。情報を受領する締約国は、当該条件に合意する場合には、これに従う。

第二十条　認証

いずれか一方の締約国がこの条約に従って送付する書類であって、当該締約国の権限のある当局又は中央当局の署名又は押印によって証明されているものは、認証その他の証明なしに、他方の締約国によって受領される。被請求国は、請求国の要請があるときは、自国の法令に反しない限りにおいて、共助の請求に示された他の様式により、この条約に従って送付する書類を認証することができる。

第二十一条　他の文書との関係

この条約のいかなる規定も、いずれか一方の締約国が他の適用可能な国際協定又は適用可能な自国の法令に従って他方の締約国に対して共助を要請し、又は実施することを妨げるものではない。

第二十二条　協議

1　両締約国の中央当局は、この条約に基づく迅速かつ効果的な共助の実施を促進する目的で協議するものとし、当該目的に必要な措置について決定することができる。

2　両締約国は、必要に応じ、この条約の解釈又は実施に関して生ずるいかなる問題についても協議する。

第二十三条　見出し

この条約中の条の見出しは、引用上の便宜のためにのみ付されたものであって、この条約の解釈に影響を及ぼすものではない。

第二十四条　効力発生及び終了

1　この条約は、両締約国が、この条約の効力発生に必要な自己の内部手続を完了した旨を相互に通知する外交上の公文を交換した日の後三十日目の日に効力を生ずる。

2　この条約は、この条約の効力発生の日以後に行われる共助の請求（請求された共助がこの条約の効力発生の日前に行われた行為に係るものである場合を含む。）について適用する。

3　この条約は、両締約国の間の書面による合意によって改正することができる。

4　いずれの一方の締約国も、他方の締約国に対して外交上の経路を通じて書面による通告を与えることにより、いつでもこの条約を終了させることができる。終了は、当該通告を受領した日の後百八十日目の日に効力を生ずる。

5　この条約の終了は、この条約の終了の日までに請求された共助を実施しない理由としてはならない。

以上の証拠として、下名は、正当に委任を受けてこの条約に署名した。

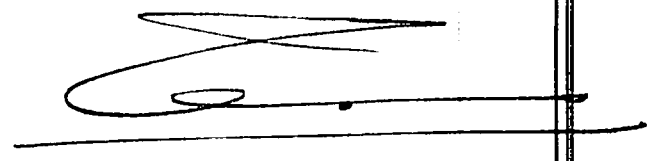
二千二十一年十一月二十四日に東京で、ひとしく正文であるベトナム語、日本語及び英語により本書二通を作成した。解釈に相違がある場合には、英語の本文による。

ベトナム社会主義共和国のために

最高人民検察院長官　レー・ミン・チー

日本国のために

特命全権大使　山田　滝雄



山田滝雄